

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 949/2017/DSPT
Ngày: 11 - 10 - 2017
V/v tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phùng Văn Hải**

Các Thẩm phán: Ông **Dương Tuấn Vinh**

Bà **Nguyễn Thị Thanh Hiền**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Kim Tuyền.**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: – Bà **Võ Phạm Phương Hạnh** – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 332/2017/DSPT ngày 11 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 24/2017/DSST ngày 15/6/2017 của Tòa án nhân dân Quận B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1868/2017/QĐ-PT ngày 23/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5226/2017/QĐ-PT ngày 22/9/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1962; Địa chỉ: Đường Đ, Phường V, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1990; Địa chỉ thường trú: Đường N, Phường P, Thành phố N, Tỉnh K; Địa chỉ liên lạc: Đường Q, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Giấy ủy quyền số 012921 ngày 04/4/2017) (có mặt).

Bị đơn:

1. Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1946; Địa chỉ: Đường H, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị P: Bà Chu Thị S, sinh năm 1977; Địa chỉ: Ấp D, xã L, huyện C, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Ông **Trương Văn L**, sinh năm 1940; Địa chỉ: Đường H, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Đỗ Thị Kim G**, sinh năm 1965; Địa chỉ: Đường Đ, Phường V, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà Đỗ Thị Kim G: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1962; (Hợp đồng ủy quyền số 20730 ngày 31 tháng 5 năm 2016). (vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai)

2. Ông **Võ Hữu T**, sinh năm 1963; Địa chỉ: Khu phố A, Phường A, Quận X, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của ông Võ Hữu T: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1962; (Hợp đồng ủy quyền 10406 ngày 02/6/2016). (vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H có đại diện ủy quyền trình bày:

Ông Nguyễn Văn H và ông Trương Văn L, bà Nguyễn Thị P ký hợp đồng đặt cọc ngày 09/9/2001 và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 23/10/2001 đối với phần đất có diện tích 604m² tọa lạc tại phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Giá thỏa thuận là 347.000.000 đồng. Ông Nguyễn Văn H đã giao tiền nhiều lần, tính đến ngày 09/3/2002 tổng cộng là 176.000.000 đồng và 30.000.000 đồng để làm giấy tờ. Trong quá trình giao dịch thì phát sinh tranh chấp giữa ông Trương Văn L và ông Nguyễn Văn N đối với quyền sử dụng đất nêu trên và đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật. Nhưng sau đó, phía ông Trương Văn L không thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn H nên ông Nguyễn Văn H đã tranh chấp tại UBND Phường A. Ngày 30/10/2011, bà Nguyễn Thị P viết giấy xác nhận việc chuyển nhượng và đề nghị trả lại tiền cho ông Nguyễn Văn H nhưng không thực hiện.

Ngày 25/3/2014, ông Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị P và ông Trương Văn L tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Ông đồng ý thanh toán số tiền còn lại là 141.000.000 đồng và hỗ trợ thêm mỗi mét vuông là 1.000.000 đồng cho vợ chồng bà Nguyễn Thị P, ông Trương Văn L.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị P đồng thời là đại diện theo ủy quyền của ông Trương Văn L trình bày:

Bà xác nhận lời khai của ông Nguyễn Văn H về việc các bên có thỏa thuận chuyển nhượng diện tích đất và giá nêu trên. Tuy nhiên, bà xác định chỉ mới nhận của ông Nguyễn Văn H 176.000.000 đồng. Số tiền 30.000.000 đồng ông Nguyễn Văn H nói là chi phí làm giấy tờ nên tự ý cản trở vào tiền mua bán đất, thực chất ông Nguyễn Văn H không làm được giấy tờ. Bà cũng không nhận số tiền này. Việc thực hiện hợp đồng không thành do lỗi của ông Nguyễn Văn H, nhưng bà có thiện chí trả lại cho ông Nguyễn Văn H số tiền đã nhận. Khi nào nhà nước thanh toán tiền bồi thường bà sẽ trả lại cho ông Nguyễn Văn H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị Kim G trình bày: Bà là vợ ông Nguyễn Văn H. Việc giao dịch mua bán nói trên bà không tham gia, tiền mua bán là tiền của ông Nguyễn Văn H tự bỏ ra. Việc tòa án giải quyết xét xử vụ án bà không có ý kiến, không có yêu cầu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Võ Hữu T có ông Nguyễn Văn H đại diện ủy quyền trình bày: Ông chỉ là người đưa tiền giúp cho ông Nguyễn Văn H trong giao dịch với ông Trương Văn L, bà Nguyễn Thị P. Ông cũng không có ý kiến và yêu cầu nào trong vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2017/DSST ngày 15/6/2017 của Tòa án nhân dân Quận B quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H về việc tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất không ghi ngày, tháng 10 năm 2001 ký giữa ông Nguyễn Văn H và ông Trương Văn L;

Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do vô hiệu. Buộc ông Trương Văn L và bà Nguyễn Thị P có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông Nguyễn Văn H số tiền là 176.000.000 đồng. Thực hiện một lần ngay khi bản án có hiệu lực thi hành.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/6/2017 nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm với lý do Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét theo đúng thủ tục tố tụng, không đánh giá khách quan tài liệu chứng cứ có trong vụ án dẫn đến việc nhận định, đánh giá vụ án không theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân Quận B giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Các đương sự có yêu cầu như sau:

Ông Nguyễn Ngọc T đại diện cho nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày tranh luận đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm vì: Quá trình tiến hành tố tụng Tòa án nhân dân Quận B không tiến hành định giá đối với diện tích đất chuyển nhượng, việc Hội đồng định giá nêu lên lý do để không thực hiện định giá là không có cơ sở pháp lý. Về nội

dung, Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng hợp đồng chuyển nhượng vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu là không đúng quy định của pháp luật.

Bà Chu Thị S đại diện cho bà Nguyễn Thị P đề nghị y án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của đương sự làm trong hạn luật định nên hợp lệ, đề nghị Tòa án chấp nhận. Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

Về nội dung vụ án Viện kiểm sát đề nghị: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai thừa nhận của các bên đương sự tại phiên tòa đã có đủ cơ sở để xác định hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất không ghi ngày, tháng 10 năm 2001 ký giữa ông Nguyễn Văn H và ông Trương Văn L là vô hiệu cả về nội dung lẫn hình thức theo Khoản 2 Điều 689 và Khoản 1 Điều 691 Bộ luật dân sự 2005. Bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử y án sơ thẩm và không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và sau khi nghe ý kiến phát biểu kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Ngày 29/6/2017 ông Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án số 24/2017/DSST ngày 15/6/2017 của Tòa án nhân dân Quận B. Xét đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn H là trong hạn luật định nên hợp lệ theo quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn H, ông Trương Văn L mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên căn cứ Khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về thủ tục tố tụng, nguyên đơn kháng cáo cho rằng ông đã nhiều lần yêu cầu Tòa án nhân dân Quận B tiến hành định giá đối với diện tích đất nhưng không được xem xét, việc Hội đồng định giá cho rằng không thể tiến hành định giá được do khu đất thuộc quy hoạch đường dự phóng ven sông Sài Gòn lộ giới 50m và do khu đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có căn cứ pháp luật, không có bất kỳ quy định nào xác định đất có đặc điểm như trên không được tiến hành định giá. Xét căn cứ Điều 112 Luật Đất đai năm 2014 quy định “*Việc định giá đất phải bảo đảm nguyên tắc theo mục đích sử dụng đất hợp pháp tại thời điểm định giá*”. Tuy nhiên tại Công văn số 188/TNMT ngày 13/4/2016 của Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận B xác định rõ “vị trí khu

đất diện tích 489m² nằm hoàn toàn trong hành lang bảo vệ sông Sài Gòn. Hành lang bảo vệ sông Sài Gòn là 50m tính từ mép bờ cao quy hoạch”, do đó việc Hội đồng định giá không tiến hành định giá khu đất là có cơ sở vì tại thời điểm định giá khu đất trên đã thuộc dự án quy hoạch hành lang bảo vệ sông Sài Gòn, các bên không thể thực hiện chuyển nhượng đất đối với diện tích đất trên. Mặt khác căn cứ vào hồ sơ vụ án cũng như các văn bản trả lời của cơ quan có thẩm quyền không có chứng cứ nào thể hiện Ủy ban nhân dân Quận B và Ủy ban nhân dân Thành phố tiến hành bồi thường hỗ trợ khi thu hồi lô đất trên. Vì vậy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

[3] Về nội dung vụ án, nguyên đơn kháng cáo không đồng ý với phần quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tháng 10 năm 2001 giữa ông Nguyễn Văn H và ông Trương Văn L, bà Nguyễn Thị P là vô hiệu vì mặc dù ông Trương Văn L, bà Nguyễn Thị P chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất trên nhưng tại tờ khai năm 1999 tại UBND phường A, Quận B đã xác nhận diện tích trên thuộc quyền sử dụng của ông Trương Văn L, bà Nguyễn Thị P, đồng thời tại Quyết định số 9041/QĐ-UB-QLĐT ngày 31/12/2002 và Quyết định số 4419/QĐ-UN-TTr ngày 12/5/2003 của UBND Quận B xác định diện tích đất trên thuộc quyền sử dụng của ông Trương Văn L, bà Nguyễn Thị P. Hội đồng xét xử nhận thấy, về mặt chứng cứ trong hồ sơ vụ án không có các văn bản mà nguyên đơn ông Nguyễn Văn H nêu, cũng như tại Biên bản phiên họp tiếp cận, kiểm tra, giao nộp và công khai chứng cứ ngày 27/4/2017, ông Nguyễn Văn H cũng không cung cấp được các văn bản trên cho Tòa án và xác định không còn chứng cứ, tài liệu nào khác cung cấp cho Tòa án. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn cũng xác định không có các văn bản, chứng cứ này để cung cấp cho Hội đồng xét xử. Ngoài ra căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ cũng như lời khai của hai bên đương sự thể hiện tại thời điểm chuyển nhượng bên chuyển nhượng chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc có một trong các loại giấy tờ để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai.

Ông Nguyễn Văn H cho rằng sau khi vợ chồng ông Trương Văn L, bà Nguyễn Thị P nhận được tiền đặt cọc thì ông Nguyễn Văn H đã nhận bàn giao đất theo hợp đồng và thực tế đã tiến hành cắm mốc đo đạc diện tích đất. Do phát sinh tranh chấp với ông Nguyễn Văn N nên toàn bộ việc san lấp và xin xác nhận của UBND bị hoãn lại. Xét thấy các đương sự đều thống nhất rằng hiện nay diện tích đất vẫn do ông Trương Văn L, bà Nguyễn Thị P quản lý, hiện không ai sử dụng vì hiện trạng là vũng sinh, không có hàng rào bao quanh. Tại Công văn số 102/TNMT ngày 17/3/2015 và Công văn số 188/TNMT ngày 13/4/2016 của Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận B xác định toàn bộ diện tích đất chuyển nhượng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nằm hoàn toàn trong hành lang bảo vệ sông Sài Gòn, một phần diện tích khoảng 331,7m² thuộc quy hoạch cây xanh cách ly, một phần diện tích khoảng 157,3m² thuộc quy hoạch đường dự phóng ven sông Sài Gòn lộ giới 18m. Căn cứ Khoản 2 Điều 689 và Khoản 1 Điều 691 Bộ luật Dân sự năm 2005, căn cứ tiêu mục 2.3 mục 2 Nghị

quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì hợp đồng sang nhượng đất giữa ông Nguyễn Văn H và ông Trương Văn L, bà Nguyễn Thị P không đáp ứng được các điều kiện do pháp luật quy định, đó là đất chuyển nhượng chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Luật Đất đai, bên chuyển nhượng quyền sử dụng đất chưa có đủ điều kiện chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên không được lập thành văn bản có chứng nhận của Công chứng nhà nước hoặc chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định hợp đồng các bên ký kết vô hiệu cả về hình thức lẫn nội dung, từ đó không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Về việc giải quyết hậu quả của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu. Nguyên đơn kháng cáo ông Nguyễn Văn H đã thanh toán hơn 50% giá trị hợp đồng từ những năm 2001 – 2002, nay Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Trương Văn L bà Nguyễn Thị P trả lại cho ông số tiền 176.000.000 đồng là không khách quan, Hội đồng xét xử không xem xét tiến hành định giá để xác định số tiền của ông đã giao tương ứng với giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm xét xử là trái quy định của pháp luật. Xét thấy, do hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên vô hiệu toàn bộ cả về hình thức lẫn nội dung nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 137 Bộ luật Dân sự năm 2005 buộc các bên có nghĩa vụ hoàn trả cho nhau những gì đã nhận là có căn cứ. Tại thời điểm chuyển nhượng, ông Nguyễn Văn H và ông Trương Văn L, bà Nguyễn Thị P tham gia giao dịch đều biết rõ diện tích đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng vẫn thực hiện chuyển nhượng nên việc hợp đồng vô hiệu là có lỗi của cả hai bên ngang nhau. Thời điểm hiện tại cũng không được phép chuyển nhượng do đó không bên nào phải bồi thường cho bên nào. Các bên đều xác định thực tế số tiền ông Nguyễn Văn H đã giao cho bà Nguyễn Thị P là 176.000.000 đồng nên bà Nguyễn Thị P và ông Trương Văn L có trách nhiệm hoàn trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền 176.000.000 đồng là có căn cứ.

[5] Với những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ, do đó nghĩ nên giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận B.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm cấp sơ thẩm tuyên phần án phí là đúng quy định của Pháp lệnh, án phí, lệ phí năm 2009 và Điều 17 Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Về án phí phúc thẩm do kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 2 Điều 689, khoản 1 Điều 691 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí năm 2009; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2017/DS-ST ngày 15/6/2017 của Tòa án nhân dân Quận B.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H về việc tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất không ghi ngày, tháng 10 năm 2001 ký giữa ông Nguyễn Văn H và ông Trương Văn L.

Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên do vô hiệu. Buộc ông Trương Văn L và bà Nguyễn Thị P có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông Nguyễn Văn H số tiền là 176.000.000 (một trăm bảy mươi sáu triệu) đồng. Thực hiện một lần ngay khi bản án có hiệu lực thi hành.

Kể từ khi ông Nguyễn Văn H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Nguyễn Thị P và ông Trương Văn L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Văn H đã nộp là 8.675.000 (tám triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AG/2011/04112 ngày 14/4/2014 của Chi cục thi hành án dân sự Quận B. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn H 8.475.000 (tám triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

Ông Trương Văn L và bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí là 8.800.000 (tám triệu tám trăm nghìn) đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm nộp án phí phúc thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0008195 ngày 29/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Hiền

Dương Tuấn Vinh

Phùng Văn Hải